

1. Line Chart (Biểu đồ đường)

- **Mục đích:** Theo dõi số lượng log theo thời gian để phát hiện xu hướng hoặc bất thường.
- **Trường dữ liệu sử dụng:**
 - Trục X: @timestamp (thời gian).
 - Trục Y: Đếm số lượng log (sử dụng aggregation "count").
- **Ví dụ:**
 - Bạn có thể thấy số lượng log tăng đột biến tại một thời điểm, điều này có thể chỉ ra vấn đề với Redis (ví dụ: lỗi hoặc lưu lượng cao).
- **Cấu hình trong Kibana:**
 - Chọn "Line Chart" trong Visualization.
 - Metrics: Y-Axis -> Aggregation: Count.
 - Buckets: X-Axis -> Aggregation: Date Histogram, Field: @timestamp.

2. Pie Chart (Biểu đồ tròn)

- **Mục đích:** Phân tích tỷ lệ log theo các danh mục, ví dụ: theo level (mức độ log) hoặc host.
- **Trường dữ liệu sử dụng:**
 - Phân chia theo level (ở đây là 6, có thể có các level khác trong log khác).
 - Hoặc phân chia theo host (ở đây là vps1).
- **Ví dụ:**
 - Xem tỷ lệ log ở các mức độ nghiêm trọng (level) để xác định xem có nhiều log lỗi (error) hay không.
 - So sánh số lượng log giữa các host nếu bạn có nhiều host.
- **Cấu hình trong Kibana:**
 - Chọn "Pie Chart".
 - Metrics: Slice Size -> Aggregation: Count.
 - Buckets: Split Slices -> Aggregation: Terms, Field: level hoặc host.keyword.

3. Bar Chart (Biểu đồ cột)

- **Mục đích:** So sánh số lượng log giữa các container hoặc theo loại message.
- **Trường dữ liệu sử dụng:**
 - Trục X: container_name.keyword (ở đây là redis.2.k56cd472yriqds2dl6i8g4lpb).
 - Trục Y: Đếm số lượng log.
 - Có thể thêm sub-aggregation theo message.keyword (ví dụ: "Background saving terminated with success").
- **Ví dụ:**
 - Xem container nào tạo ra nhiều log nhất, hoặc loại message nào xuất hiện nhiều nhất.
- **Cấu hình trong Kibana:**
 - Chọn "Vertical Bar Chart".
 - Metrics: Y-Axis -> Aggregation: Count.
 - Buckets: X-Axis -> Aggregation: Terms, Field: container_name.keyword.
 - (Tùy chọn) Split Bars: Terms -> Field: message.keyword.

4. Data Table (Bảng dữ liệu)

- **Mục đích:** Hiển thị chi tiết log để phân tích sâu hơn.
- **Trường dữ liệu sử dụng:**
 - Các cột: container_name.keyword, message.keyword, level, @timestamp.
- **Ví dụ:**
 - Xem danh sách các log gần đây với thông tin chi tiết, giúp bạn dễ dàng tìm kiếm hoặc lọc.
- **Cấu hình trong Kibana:**
 - Chọn "Data Table".
 - Metrics: Aggregation: Count.

- Buckets: Split Rows -> Aggregation: Terms, Field: container_name.keyword, message.keyword, v.v.

5. Metric (Chỉ số)

- **Mục đích:** Hiển thị các số liệu tổng quan, ví dụ: Tổng số log, số lượng container, hoặc số log theo level.
- **Trường dữ liệu sử dụng:**
 - Tổng số log (count).
 - Số lượng container duy nhất (dùng cardinality trên container_id.keyword).
- **Ví dụ:**
 - Hiển thị nhanh tổng số log trong ngày, hoặc số container đang chạy Redis.
- **Cấu hình trong Kibana:**
 - Chọn "Metric".
 - Metrics: Aggregation: Count (cho tổng số log).
 - (Tùy chọn) Thêm Metric: Aggregation: Unique Count (Cardinality), Field: container_id.keyword.

6. Heatmap (Biểu đồ nhiệt)

- **Mục đích:** Xem mật độ log theo thời gian và một trường khác (ví dụ: level).
- **Trường dữ liệu sử dụng:**
 - Trục X: @timestamp.
 - Trục Y: level.
 - Màu sắc: Đếm số lượng log.
- **Ví dụ:**
 - Xem thời điểm nào có nhiều log ở level cao (có thể là lỗi nghiêm trọng).
- **Cấu hình trong Kibana:**
 - Chọn "Heatmap".
 - Buckets: X-Axis -> Date Histogram, Field: @timestamp.
 - Y-Axis -> Terms, Field: level.

7. Tag Cloud (Đám mây từ khóa)

- **Mục đích:** Hiển thị các từ khóa phổ biến trong log, ví dụ: các message hoặc container_name.
- **Trường dữ liệu sử dụng:**
 - message.keyword hoặc container_name.keyword.
- **Ví dụ:**
 - Nhanh chóng thấy các message phổ biến nhất (như "Background saving terminated with success").
- **Cấu hình trong Kibana:**
 - Chọn "Tag Cloud".
 - Metrics: Tag Size -> Aggregation: Count.
 - Buckets: Tags -> Aggregation: Terms, Field: message.keyword.